

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày: 09-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Triều

2/ Ông Bùi Quang Việt

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 861/2023/TLST-HS, ngày 30/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5797/2023/QĐXXST-HS ngày 04/12/2023 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 12943/2023/QDDST-HS ngày 27/12/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N; giới tính: Nữ; sinh ngày 12/01/1983, tại tỉnh T; hộ khẩu thường trú: đường H, phường Q, quận B, Thành phố H; chỗ ở hiện tại: đường Đ, Phường V, quận B, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Quang B, sinh năm: 1942 và bà Lê Thị Q, sinh năm: 1955; bị cáo đã ly hôn với chồng là Nguyễn Văn T và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa từ ngày 05/5/2021 đến ngày 18/12/2021 được thay thế Biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

1/ Bà Trần Thị Kiều Hạnh, Luật sư thuộc Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Trần Hạnh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Ông Vũ Văn Minh, luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Bảo Lâm, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Ông Nguyễn Ngọc Lâm, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Công Anh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Bị hại:** Ông Ngũ Ngọc D - sinh năm 1970;

Trú tại: Đội 1, xã D, huyện D, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Hồ Văn S - sinh năm 1987,

Trú tại: ấp F, thị trấn G, huyện G, tỉnh B; (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Nguyễn Văn Minh T1 - sinh năm 1989,

Hộ khẩu thường trú: đường H, phường E, quận ,K Thành phố H.

Trú tại: chung cư HĐ, phường C, quận G, Thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Phan Thị N - sinh năm 1967,

Trú tại: đường H, phường H, quận H, Thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa);

4/ Phạm Nguyên K - sinh năm 1978,

Hộ khẩu thường trú: đường V, phường C, quận A, Thành phố H.

Trú tại: đường Đ, phường V, quận B, Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa);

5/ Đỗ Thế H - sinh năm 1967,

Hộ khẩu thường trú: đường C, phường I, quận P, Thành phố H;

Trú tại: đường T, phường D, quận H, Thành phố H. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng cuối năm 2016 đầu năm 2017, do có nhu cầu tìm nơi đăng ký cho các học sinh đi du học nước ngoài, ông Ngũ Ngọc D đã liên hệ với Nguyễn Thị N để đăng ký dịch vụ làm hồ sơ đi du học cho các học sinh, gồm: Trịnh Thị Minh H1, Nguyễn Thị Y, Trương Thị T2 và Hồ Vũ Ngọc L. Ông Ngũ Ngọc D được Nguyễn Thị N hứa giúp làm hồ sơ cho 04 học sinh của ông Ngũ Ngọc D đi du học tại Anh, Mỹ, hẹn vào Thành phố Hồ Chí Minh để nộp hồ sơ, làm hợp đồng, thỏa thuận chi phí và thông báo với ông Ngũ Ngọc D sẽ chuyển hồ sơ của 04 em học sinh qua Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư NH (viết tắt là Công ty NH) để nhờ làm thủ tục xin visa đi du học tại Anh, Mỹ, thời gian làm thủ tục

đi du học khoảng từ 03 đến 06 tháng, tiền công hoa hồng từ 1.000 -1.500 USD/01 hồ sơ và nếu không hoàn thành thì trả lại tiền. Ông Ngũ Ngọc D làm đại diện đứng tên cho 04 học sinh, gồm: Nguyễn Thị Y, Trịnh Thị Minh H1 (đăng ký đi du học Mỹ); Trương Thị T2 và Hồ Vũ Ngọc L (đăng ký đi du học Anh) để làm thủ tục hồ sơ và nộp tiền cho Nguyễn Thị N. Sau khi thỏa thuận giá tiền, ông Ngũ Ngọc D đồng ý nộp số tiền chi phí 1.057.475.000 đồng chuyển vào tài khoản số 0071000987042 của Nguyễn Thị N mở tại Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố H.

Ngoài 04 em học sinh đăng ký đi du học Anh, Mỹ, ông Ngũ Ngọc D còn nhờ Nguyễn Thị N làm hồ sơ cho em Phạm Thị Hoài A xin đi lao động làm việc tại Úc, với mức chi phí: 159.400.000 đồng, ông Ngũ Ngọc D đã chuyển số tiền vào tài khoản 0071000987042 của Nguyễn Thị N. Tổng cộng ông Ngũ Ngọc D đã chuyển cho Nguyễn Thị N số tiền 1.216.735.000 đồng.

Sau khi nhận được đủ tiền, Nguyễn Thị N đã soạn thảo các chứng từ, ký giả chữ ký của Giám đốc Đỗ Thế H, sau đó scan gửi qua email cho ông Ngũ Ngọc D, gồm: Biên bản thỏa thuận tìm kiếm và lựa chọn ứng viên tại Việt Nam (chương trình du học Anh), ứng viên học sinh Trương Thị T2 và Hồ Vũ Ngọc L, ghi ngày 04/4/2017 đại diện Bên A ký tên Đỗ Thế H, giám đốc, đóng dấu tròn Công ty NH, Bên B ký tên Nguyễn Thị N; Biên bản thỏa thuận tìm kiếm và lựa chọn ứng viên tại Việt Nam (chương trình du học có học bổng Mỹ), ứng viên Trịnh Thị Minh H1 và Nguyễn Thị Y; Biên bản thỏa thuận đại diện giao dịch cho các ứng viên (tham gia chương trình du học) không ghi ngày tháng, đại diện Bên A ký tên Nguyễn Thị N, đại diện Bên B là ông Ngũ Ngọc D; kèm theo các phiếu thu tiền gồm: Phiếu thu số 30 ngày 05/4/2017; Phiếu thu số 31 ngày 05/4/2017; Phiếu thu số 35 ngày 10/4/2017; Phiếu thu số 52 ngày 15/8/2017; Phiếu thu số 56 ngày 21/8/2017; Phiếu thu ngày 28/7/2017; Phiếu thu số 28 ngày 24/3/2017; Phiếu thu số 39 ngày 19/7/2017; Phiếu thu số 34 ngày 28/5/2017; Phiếu thu số 35 ngày 11/5/2017; Phiếu thu số 15 ngày 22/3/2017; Phiếu thu số 07 ngày 25/10/2017; Phiếu thu số 46 ngày 31/7/2017; Phiếu thu số 15 ngày 29/8/2017; Phiếu chi ngày 25/01/2019. Ông Ngũ Ngọc D giao cho Nguyễn Thị N hồ sơ của các học sinh gồm: lý cá nhân, ảnh thẻ, giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu, hộ chiếu, học bạ, bằng cấp, chứng chỉ, sổ tiết kiệm.

Tuy nhiên, kể từ khi ông Ngũ Ngọc D chuyển số tiền 1.216.735.000 đồng vào tài khoản, khoảng hơn 01 năm sau, Nguyễn Thị N và Công ty NH không thông báo cho ông Ngũ Ngọc D biết kết quả làm thủ tục, xin visa cho 04 em học sinh đi du học tại Anh, Mỹ và 01 em đi lao động làm việc tại Úc. Ông Ngũ Ngọc D nhiều lần liên lạc với Nguyễn Thị N hỏi thông tin kết quả, yêu cầu giải thích lý do vì sao không tổ chức cho các em đi du học tại Anh, Mỹ và đi lao động làm việc tại nước Úc như đã cam kết, đồng thời đề nghị Nguyễn Thị N hoàn trả lại số tiền đã nộp. Sau đó Nguyễn Thị N thông báo cho ông Ngũ Ngọc D biết có 02 em xin visa đi du học Mỹ không đạt là Nguyễn Thị Y và Trịnh Thị Minh H1, trường

hợp em Trương Thị T2 và Hồ Vũ Ngọc L xin đi du học tại Anh thì chưa làm hồ sơ phỏng vấn. Thấy không có kết quả nên ông Ngũ Ngọc D xin rút lại hồ sơ Phạm Thị Hoài A đi lao động Úc, và yêu cầu Nguyễn Thị N hoàn trả lại tiền nhưng Nguyễn Thị N cho rằng việc Công ty NH đã nhận tiền nhưng chưa hoàn trả lại nên không thể hoàn trả cho ông Ngũ Ngọc D.

Sau khi không thực hiện hoàn thành thủ tục xin visa cho các học sinh, Nguyễn Thị N đã hoàn trả lại cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 346.535.833 đồng. Nguyễn Thị N tiếp tục soạn thảo chứng từ, ký giả chữ ký của Giám đốc Đỗ Thế H, rồi scan gửi qua email cho ông Ngũ Ngọc D các biên bản thanh lý, tất toán hợp đồng do Nguyễn Thị N đứng tên ký với Công ty NH, nội dung nêu các khoản chi phí đã thực hiện thủ tục làm hồ sơ, số tiền chênh lệch còn lại sẽ hoàn trả lại cho các học sinh, các chứng từ gồm: Biên bản thanh lý hợp đồng du học Mỹ có học bổng ghi ngày 07/5/2018, Bên 1 ký tên giám đốc Đỗ Thế H, đóng dấu tròn Công ty NH, Bên 2 ký tên Nguyễn Thị N; Biên bản tất toán hợp đồng du học Mỹ có học bổng, Bên A ký tên giám đốc Đỗ Thế H, đóng dấu tròn Công ty NH; Biên bản Thanh lý hợp đồng du học Mỹ có học bổng ghi ngày 11/09/2017, Bên A ký tên đóng dấu tròn Công ty NH, Bên B ký tên Nguyễn Thị N; Biên bản thanh lý hợp đồng du học Anh ghi ngày 09/01/2019 ký tên giám đốc Đỗ Thế H, đóng dấu tròn Công ty NH. Kết quả xác minh số tài khoản 0071000987042 của Nguyễn Thị N mở tại Ngân hàng V Chi nhánh Thành phố H, xác định: số tiền 1.216.735.000 đồng do ông Ngũ Ngọc D chuyển vào tài khoản phù hợp các chứng từ giao dịch chuyển tiền do ông Ngũ Ngọc D cung cấp.

Cân đối tổng số tiền ông Ngũ Ngọc D đã chuyển vào tài khoản cho Nguyễn Thị N là 1.216.735.000 đồng và số tiền Nguyễn Thị N hoàn trả cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 346.535.833 đồng, còn nợ 870.199.167 đồng chưa hoàn trả. Ông Ngũ Ngọc D xác định: giữa ông Ngũ Ngọc D cùng với các học sinh và Nguyễn Thị N không có thỏa thuận, cam kết nào về việc nếu hồ sơ không hoàn thành sẽ bị mất số tiền đã nộp.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Nguyễn Thị N khai nhận: do có quen biết với ông Đỗ Thế H và ông Phạm Nguyên K từ khi ông Đỗ Thế H và ông Phạm Nguyên K thành lập Công ty NH (năm 2014), trong đó Ông Đỗ Thế H làm Giám đốc, đại diện pháp luật, ông Phạm Nguyên K làm Chủ tịch hội đồng thành viên. Công ty NH thành lập nhưng chưa hoạt động kinh doanh, chưa đăng ký kê khai thuế, đã khóa mã số thuế, nhưng chưa làm thủ tục giải thể. Khoảng tháng 02/2017, ông Ngũ Ngọc D có liên hệ với Nguyễn Thị N qua điện thoại để nhờ làm thủ tục hồ sơ cho 04 học sinh xin đi du học, gồm: Nguyễn Thị Y, Trịnh Thị Minh H1 (đăng ký đi du học Mỹ); Trương Thị T2 và Hồ Vũ Ngọc L (đăng ký đi du học Anh), Nguyễn Thị N yêu cầu ông Ngũ Ngọc D vào Thành phố Hồ Chí Minh để trao đổi hướng dẫn thủ tục làm hồ sơ, thỏa thuận chi phí. Ông Ngũ Ngọc D cùng đi với vợ vào Thành phố Hồ Chí Minh, gặp trực tiếp Nguyễn Thị N để nhờ giúp đỡ làm hồ sơ xin cho

04 học sinh đi du học, Nguyễn Thị N đồng ý và yêu cầu ông Ngũ Ngọc D gửi hồ sơ các học sinh cho Nguyễn Thị N qua email: hongnhung.nkitc@gmail.com, nộp số tiền chi phí: 1.057.335.000 đồng, chuyển vào tài khoản số 0071000987042 của Nguyễn Thị N mở tại Ngân hàng V - Chi nhánh Thành phố H.

Ngoài ra, Nguyễn Thị N đã thừa nhận: Công ty NH và cá nhân Nguyễn Thị N hoàn toàn không được cấp giấy phép đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ tổ chức đi du học nước ngoài và không được Cơ quan chức năng cấp phép hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc, lao động tại nước ngoài. Nhưng Nguyễn Thị N sử dụng pháp nhân Công ty NH để giao dịch, làm thủ tục hồ sơ với ông Ngũ Ngọc D, Nguyễn Thị N trực tiếp soạn thảo, tạo lập chứng từ, tài liệu gồm: phiếu thu; phiếu chi; biên bản thỏa thuận tìm kiếm và lựa chọn ứng viên; biên bản thanh lý hợp đồng; tất toán thanh lý hợp đồng, ký giả mạo chữ ký của ông Đỗ Thế H, Giám đốc Công ty và ký tên các mục của chứng từ như: người lập phiếu, người nộp tiền, thủ quỹ, kế toán trưởng để scan gửi qua email cho ông Ngũ Ngọc D với mục đích để cho ông Ngũ Ngọc D và các học sinh yên tâm về các giao dịch làm hồ sơ là có thật. Nguyễn Thị N xác nhận ông Ngũ Ngọc D đã chuyển vào tài khoản số 0071000987042 của Nguyễn Thị N tổng số tiền 1.216.735.000 đồng để đăng ký làm hồ sơ cho 04 em học sinh đi du học và 01 em đi lao động làm việc tại Úc, nhưng kết quả làm hồ sơ không hoàn thành, Nguyễn Thị N đã hoàn trả lại cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 346.535.833 đồng, còn nợ số tiền 870.199.167 đồng. Nguyễn Thị N khai đã sử dụng chi phí trực tiếp làm hồ sơ hết 520.090.700 đồng, việc sử dụng chi phí các khoản làm thủ tục hồ sơ đều không có chứng từ gì thể hiện, còn lại số tiền 350.108.467 đồng, Nguyễn Thị N cho rằng có thỏa thuận với ông Ngũ Ngọc D về việc sau khi trừ các khoản chi phí làm hồ sơ, còn lại sẽ chia đều làm 3, Nguyễn Thị N chịu 01 phần, ông Ngũ Ngọc D chịu 01 phần và học sinh chịu 01 phần; tuy nhiên việc thỏa thuận này không có tài liệu chứng minh, không được sự đồng ý của ông Ngũ Ngọc D.

Việc sử dụng pháp nhân Công ty NH và ký giả mạo tên ông Đỗ Thế H nhằm để giao dịch làm dịch vụ là do Nguyễn Thị N tự ý thực hiện, ông Đỗ Thế H, Giám đốc Công ty NH không được biết. Sau khi thực hiện các giao dịch làm hồ sơ với ông Ngũ Ngọc D không hoàn thành, Nguyễn Thị N đã giao hồ sơ con dấu Công ty NH cho dịch vụ làm thủ tục đóng mã số thuế, đóng cửa doanh nghiệp không hoạt động, việc giao hồ sơ con dấu cho bên dịch vụ không lập biên bản giao nhận. Do nhận thức được sai phạm của mình, ngày 27/4/2021, Nguyễn Thị N đã tự nguyện khắc phục hậu quả hoàn trả cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 143.000.000 đồng, đến ngày 06/5/2021, gia đình của Nguyễn Thị N tiếp tục tự nguyện hoàn trả số tiền 727.199.167 đồng chuyển vào tài khoản cho ông Ngũ Ngọc D. Như vậy, Nguyễn Thị N đã thực hiện khắc phục hậu quả, hoàn trả lại cho ông Ngũ Ngọc D toàn bộ số tiền đã nhận.

Nguyễn Thị N khai nhận: do bản thân thiếu hiểu biết nên ký giả tên ông Đỗ Thế H chức vụ giám đốc Công ty NH, trên các chứng từ, tài liệu gửi cho ông

Ngũ Ngọc D với mục đích để cho ông Ngũ Ngọc D yên tâm việc Nguyễn Thị N làm hồ sơ thủ tục cho các học sinh. Nguyễn Thị N xác nhận chỉ ký hợp đồng với ông Ngũ Ngọc D người đại diện cho các học sinh, Nguyễn Thị N không ký hợp đồng với các học sinh.

Quá trình điều tra bổ sung, Nguyễn Thị N nhận thức rõ hành vi sai phạm, thể hiện sự ăn năn hối cải, ân hận về hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Nguyễn Thị N khai rằng thực tế Nguyễn Thị N có bỏ tiền chi phí để thực hiện hồ sơ thủ tục cho các học sinh với số tiền là 467.003.000 đồng và xin ông Ngũ Ngọc D xác nhận số tiền này là chi phí hợp lý để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Thị N đồng thời cam kết không đòi ông Ngũ Ngọc D phải trả chi phí này.

Ông Ngũ Ngọc D đã viết Đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị can Nguyễn Thị N, đồng thời xác nhận nội dung ông chấp nhận 05 khoản chi với số tiền là 467.003.000 đồng là chi phí hợp lý cho bị can Nguyễn Thị N như nêu trên để cho Nguyễn Thị N được giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng không liên quan số tiền chị Nguyễn Thị N chiếm đoạt theo đơn tố cáo của ông Ngũ Ngọc D với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

**** Lời khai của những người liên quan:***

- Ông **Đỗ Thế H**, khai: khoảng giữa năm 2011, do làm nghề lái xe Taxi, ông Đỗ Thế H có quen biết với ông Phạm Nguyên K, ông Phạm Nguyên K mời ông Đỗ Thế H về lái xe, ông Phạm Nguyên K nhờ ông Đỗ Thế H đứng tên giám đốc 01 Công ty để kinh doanh hàng hóa phế liệu nhập khẩu từ Nhật Bản về Việt Nam, ông Đỗ Thế H đồng ý cùng ông Phạm Nguyên K làm thủ tục thành lập Công ty NH, ông Đỗ Thế H xác nhận sau khi thành lập, nhưng doanh nghiệp không có hoạt động kinh doanh. Đến tháng 3/2013, ông Đỗ Thế H nghỉ làm việc và bàn giao lại toàn bộ hồ sơ, con dấu cho ông Phạm Nguyên K quản lý, ông Đỗ Thế H không biết sự việc Nguyễn Thị N nhận hồ sơ, thu tiền làm thủ tục đi du học cho các học sinh, ông Đỗ Thế H xác nhận không ký tên vào các chứng từ, tài liệu liên quan việc tổ chức đi du học, lao động nước ngoài. Ông Đỗ Thế H có gặp Nguyễn Thị N 03 lần, Nguyễn Thị N có yêu cầu ông Đỗ Thế H ký 01 giấy ủy quyền, 01 biên bản họp hội đồng thành viên, 01 hợp đồng lao động, với lý do ông Đỗ Thế H nghỉ việc nên phải ký một số giấy tờ để bàn giao.

- Ông **Phạm Nguyên K**, khai: Đầu năm 2012, ông Phạm Nguyên K có bàn bạc với ông Đỗ Thế H thành lập Công ty NH, ông Phạm Nguyên K đứng tên là Chủ tịch hội đồng thành viên, ông Đỗ Thế H làm Giám đốc, đại diện pháp luật. Công ty NH đăng ký kinh doanh: dịch vụ ăn uống, môi giới xúc tiến thương mại; vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng, Công ty thành lập xong nhưng không có hoạt động kinh doanh và đã đóng cửa, khóa mã số thuế.

Ông Phạm Nguyên K quen biết Nguyễn Thị N từ năm 2014 đến tháng 3/2017, ông Phạm Nguyên K xác nhận có cùng với Nguyễn Thị N thành lập

Công ty TNHH Du học - Du Lịch STS, địa chỉ: Đ, phường B, quận A, Thành phố H, để kinh doanh bán vé máy bay, nhưng doanh nghiệp đã đóng cửa, không hoạt động. Việc ông Ngũ Ngọc D liên hệ nhờ Nguyễn Thị N làm hồ sơ cho các học sinh đi du học, đi lao động làm việc nước ngoài ông Phạm Nguyên K không tham gia, mọi thủ tục nhận hồ sơ thu lệ phí đều do một mình Nguyễn Thị N thực hiện, ông Phạm Nguyên K và ông Đỗ Thế H có ký 01 giấy ủy quyền cho Nguyễn Thị N, nội dung: "...thay mặt Công ty để quản lý doanh nghiệp, đại diện Công ty NH để phát triển kinh doanh, làm việc với đối tác nhưng phải tuân thủ quy định, quyền hạn và chức năng đăng ký kinh doanh của Công ty".

- Các học sinh cùng đại diện cha mẹ các học sinh gồm Trịnh Thị Minh H1, Nguyễn Thị Y, Hồ Vũ Ngọc L, Trương Thị T2 và Phạm Thị Hoài A, xác nhận như sau: ông Ngũ Ngọc D có mối quan hệ người nhà họ hàng thân thiết với gia đình các học sinh, thấy ông Ngũ Ngọc D đã đăng ký hồ sơ xin được cho một số trường hợp đi du học nên tin tưởng gửi hồ sơ, nộp tiền cho ông Ngũ Ngọc D để nhờ đăng ký giúp, vì nếu không được thì có thể lấy lại được tiền không lo sợ bị mất. Thực tế sau khi hồ sơ các em học sinh không hoàn thành đã được ông Ngũ Ngọc D hoàn trả lại đủ số tiền đã nộp, ngoài ra gia đình các em học sinh không biết Nguyễn Thị N là ai và không đồng ý cản trở bất cứ khoản chi phí gì cho Nguyễn Thị N.

- Ngày 26/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 535-04, trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành giám định tài liệu, chứng từ liên quan chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị N, gồm: Bảng tổng quát tài chính với khách hàng; báo cáo Tổng hợp làm việc với ông Ngũ Ngọc D; giấy ủy quyền; Hợp đồng lao động; biên bản họp hội đồng thành viên; biên bản thanh lý hợp đồng; bản tắt toán thanh lý hợp đồng; biên bản thỏa thuận tìm kiếm ứng viên; các phiếu thu.

Ngày 26/11/2020, Phòng kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh có bản kết luận giám định số 2157/KLGD-TT, kết luận như sau: chữ ký của Nguyễn Thị N trên tài liệu mẫu gồm: Bảng tổng quát tài chính với khách hàng; Báo cáo Tổng hợp làm việc với ông Ngũ Ngọc D; giấy ủy quyền; Hợp đồng lao động; Biên bản họp Hội đồng thành viên so với chữ ký của Nguyễn Thị N là do một người ký ra. Tài liệu gồm: Biên bản thanh lý hợp đồng; bản tắt toán thanh lý hợp đồng; Biên bản thỏa thuận tìm kiếm ứng viên; các phiếu thu là bản scan nên không tiến hành giám định.

- Ngày 07/5/2020, Cục Quản lý Lao động ngoài nước có văn bản số 849/QLLĐNN-PCTTr, xác định: Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư NH không được cấp phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt nam đi làm việc tại nước ngoài.

Tại bản Cáo trạng số 548/CT-VKS-P3 ngày 19/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thị N về tội "Lừa

đạo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Thị N khai nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo với trình tự các tình tiết là đúng sự thật, bị cáo thừa nhận Công ty NH không có chức năng tư vấn du học và bị cáo có nhận tiền của ông Ngũ Ngọc D, có giả chữ ký thay ông Đỗ Thế H và việc bị cáo ký thay chữ ký của ông Đỗ Thế H là do ông Ngũ Ngọc D chuyển tiền cho bị cáo trước rồi bị cáo mới làm phiếu thu và chụp hình gửi cho ông Ngũ Ngọc D và ông Ngũ Ngọc D chuyển tiền trực tiếp cho bị cáo chứ không phải chuyển vào tài khoản công ty, sau khi nhận tiền thì theo yêu cầu của ông Ngũ Ngọc D bị cáo làm ký giả phiếu thu và chụp phiếu thu qua mail cho ông Ngũ Ngọc D. Bị cáo có quan điểm cho rằng giao dịch giữa bị cáo với ông Ngũ Ngọc D là giao dịch dân sự và thực tế đang có tranh chấp dân sự với ông Ngũ Ngọc D về số tiền mà bị cáo đã chi thực tế cho các em học sinh trong quá trình xin visa du học cho các em học sinh. Đối với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo chấp nhận với số tiền bị cáo đã chi mà không được ông Ngũ Ngọc D chấp nhận vì không có chứng từ hợp lệ.

- Bị hại Ngũ Ngọc D vắng mặt, theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ông Ngũ Ngọc D làm đại diện đứng tên cho 04 học sinh đi du học ở Anh, Mỹ và 01 học sinh đi lao động làm việc tại Úc để làm thủ tục hồ sơ và nộp tiền cho Nguyễn Thị N và ông Ngũ Ngọc D đã chuyển số tiền vào tài khoản 0071000987042 của Nguyễn Thị N số tiền 1.216.735.000 đồng. Sau khi không thực hiện hoàn thành thủ tục xin visa cho các học sinh, Nguyễn Thị N đã hoàn trả lại cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 346.535.833 đồng, tuy nhiên không thanh toán các khoản tiền còn lại cho ông Ngũ Ngọc D, dẫn đến ông phải làm đơn đề nghị khởi tố hành vi lừa đảo của Nguyễn Thị N. Sau khi bị khởi tố thì Nguyễn Thị N nhận thức được sai phạm của mình, ngày 27/4/2021, Nguyễn Thị N đã tự nguyện khắc phục hậu quả hoàn trả cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 143.000.000 đồng, đến ngày 06/5/2021, gia đình của Nguyễn Thị N tiếp tục tự nguyện hoàn trả số tiền 727.199.167 đồng chuyển vào tài khoản cho ông Ngũ Ngọc D, tổng cộng là 870.199.167 đồng. Ông Ngũ Ngọc D đồng ý là Nguyễn Thị N đã thực tế bỏ tiền chi phí để thực hiện hồ sơ thủ tục cho các học sinh với số tiền là 467.003.000 đồng, nhưng đối với các chi phí khác thì do Nguyễn Thị N không chứng minh đã thực hiện được gì và có ý thức chiếm đoạt nên ông không chịu trách nhiệm với khoản tiền này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Nguyên K trình bày: Việc Nguyễn Thị N nhận tiền, làm giả giấy tờ công ty với ông Ngũ Ngọc D thì ông hoàn toàn không biết, vì Công ty đã ủy quyền hoàn toàn cho Nguyễn Thị N, về số tiền 727.199.167 đồng chuyển vào tài khoản cho ông Ngũ Ngọc D là do

Nguyễn Thị N tác động ông mới chuyển, nay sau khi điều tra ông được biết số tiền Nguyễn Thị N cần phải khắc phục cho ông Ngũ Ngọc D ít hơn nên ông đề nghị ông Ngũ Ngọc D phải thanh toán lại cho ông khoản tiền đã chuyển dư.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội:* Sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án, trên cơ sở các chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự để tuyên phạt bị cáo mức án 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự, do gia đình bị cáo đã hoàn trả toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên không xem xét đề cập đến, đồng thời đề nghị về nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Bị cáo Nguyễn Thị N không tranh luận.

- *Luật sư Trần Thị Kiều Hạnh trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo:* Chưa thống nhất với một số nội dung bản cáo trạng cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về cáo buộc bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Bởi các lý do: Bị cáo không có hành vi gian dối trước khi nhận tiền của ông Ngũ Ngọc D vì ông Ngũ Ngọc D giao dịch với bị cáo thông qua Công ty NH nhưng công ty không có chức năng kinh doanh cũng chỉ là vấn đề vi phạm hợp đồng, ông Ngũ Ngọc D có thể khởi kiện tuyên hợp đồng vô hiệu, ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị N cũng không dùng danh nghĩa Công ty NH để giới thiệu hay tạo lòng tin mà mọi giao dịch đều chuyển vào tài khoản cá nhân của bị cáo, phù hợp với các giao dịch trước đó mà Nguyễn Thị N đã thực hiện thành công cho ông Ngũ Ngọc D. Việc Nguyễn Thị N giả chữ ký của ông Đỗ Thế H là theo yêu cầu của ông Ngũ Ngọc D, thực tế có một vụ án tương tự thì đương sự trong vụ án này do đã được chủ thể (tương tự như ông Đỗ Thế H) đồng ý thực hiện mọi việc nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt căn cứ vào kết luận điều tra trước thì tổng cộng chỉ hơn 700 triệu đồng, do đó đề nghị truy cứu bị cáo ở khung hình phạt ở khoản 2 của điều luật và nếu áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên bị cáo mức án ở khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và tuyên phạt bị cáo bằng thời hạn tạm giam.

Các luật sư Vũ Văn Minh, Nguyễn Ngọc Lâm nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không bào chữa bổ sung và đồng ý với lời bào chữa của luật sư đồng nghiệp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối đáp: Các luật sư Minh và Lâm đều thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát nên không đối đáp thêm, đối với quan điểm của luật sư Hạnh thì qua đối chất trực tiếp giữa bị cáo và bị hại thì những khoản chi mà bị hại và bị cáo đã thống nhất là phù hợp nên giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo Nguyễn Thị N đồng ý với lời bào chữa của luật sư và không tranh luận bổ sung.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát, luật sư đối đáp giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố, trên cơ sở lời khai của bị cáo tại hồ sơ vụ án, như bản tự khai, biên bản lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất... cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định số 2157/KLGD-TT ngày 26/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 849/QLLĐNN-PCTTr ngày 07/5/2020, Cục Quản lý Lao động ngoài nước ... lời khai của các nhân chứng khác và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ cơ sở để xác định:

Bị cáo Nguyễn Thị N có mối quan hệ quen biết với ông Ngũ Ngọc D. Bị cáo Nguyễn Thị N đã từng làm thủ tục giúp ông Ngũ Ngọc D đưa con của ông Ngũ Ngọc D và 03 học sinh khác đi lao động, học tập ở nước ngoài. Từ mối quan hệ này ông Ngũ Ngọc D tiếp tục yêu cầu Nguyễn Thị N để làm thủ tục xin Visa cho 04 học sinh đi du học Anh, Mỹ và 01 cá nhân đi làm việc lao động tại Úc và được Nguyễn Thị N nhận lời của ông Ngũ Ngọc D, rồi Nguyễn Thị N đã sử dụng pháp nhân của Công ty NH để tiếp nhận hồ sơ, mặc dù Nguyễn Thị N biết rõ Công ty NH và cá nhân Nguyễn Thị N không có chức năng hoạt động, kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, không được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc, lao động tại nước ngoài, nhưng Nguyễn Thị N vẫn hứa hẹn và nhận tiền của ông Ngũ Ngọc D để làm thủ tục xin Visa cho 04 học sinh đi du học Anh, Mỹ và 01 cá nhân đi làm việc lao động tại Úc trái quy định của pháp luật. Sau khi nhận tiền, theo yêu cầu của ông Ngũ Ngọc D nhằm hợp thức hóa chứng từ cho ông Ngũ Ngọc D với mục đích chứng minh với các cha, mẹ học sinh, bị cáo Nguyễn Thị N đã tạo lập các văn bản

chứng từ như: phiếu thu, phiếu chi, bản thỏa thuận tìm kiếm ứng viên, biên bản thanh lý hợp đồng, bản tất toán thanh lý hợp đồng. Trong đó, Nguyễn Thị N ký giả chữ ký của Giám đốc Đỗ Thế H vào các mục trong chứng từ để gửi qua email cho ông Ngũ Ngọc D. Quá trình nhận lời ông Ngũ Ngọc D đưa học sinh đi du học và làm việc tại nước ngoài thì Nguyễn Thị N đã được ông Ngũ Ngọc D chuyển cho số tiền 1.216.735.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng cá nhân. Sau khi nhận tiền, khi không thực hiện hoàn thành thủ tục xin visa cho các học sinh, Nguyễn Thị N đã hoàn trả lại cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 346.535.833 đồng, đồng thời sử dụng số tiền 467.003.000 đồng chi phí thực hiện hồ sơ cho 05 học sinh được ông Ngũ Ngọc D chấp nhận, số tiền còn lại mặc dù Nguyễn Thị N khai các khoản tiền này là có chi phí thực tế cho các học sinh nhưng không chứng minh được bằng các chứng từ hợp lệ và cũng không thanh quyết toán trả lại cho ông Ngũ Ngọc D khi các công việc không hoàn thành kéo dài, đến khi ông Ngũ Ngọc D tố cáo và Nguyễn Thị N bị khởi tố thì Nguyễn Thị N mới trả lại cho ông Ngũ Ngọc D các khoản tiền là 870.199.167 đồng, như vậy trước khi khởi tố vụ án đã xác định Nguyễn Thị N đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt của ông Ngũ Ngọc D số tiền 403.196.167 đồng để sử dụng riêng cho bản thân.

Do vậy, hành vi đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng số tiền 403.196.167 đồng, là có giá trị “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”, hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì muốn thu lợi bất chính mà bị cáo đã bất chấp pháp luật để cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo cùng gia đình đã bồi thường cho bị hại vượt số tiền phải khắc phục hậu quả; hiện tại bị cáo đang mang thai, gia đình bị cáo có cha ruột được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo phạm tội lần đầu và chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi các con nhỏ và mẹ già, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, song bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hiện bị cáo đang mang thai, mặt khác bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 05/5/2021 đến ngày 18/12/2021 thay thế Biện pháp ngăn chặn sang Cấm đi khỏi nơi cư trú và từ khi được tại ngoại bị cáo đã chấp hành tốt các quy định của của địa phương. Trong vụ án này, thực tế việc phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của bị hại khi biết rõ bị cáo không có thẩm quyền nhưng vẫn yêu cầu bị cáo thực hiện, bị hại là người chủ động nhờ bị cáo đăng ký dịch vụ làm hồ sơ đi du học cho các học sinh; sau khi nhận tiền thì bị cáo đã thực hiện một số công việc làm hồ sơ cho 05 em học sinh với chi phí chứng minh được là 467.003.000 đồng, là các khoản chi được bị hại chấp nhận, việc không hoàn thành hồ sơ xuất phát từ năng lực của các em học sinh mà bị cáo không biết trước như thỏa thuận với bị hại, quá trình làm hồ sơ cho các em học sinh có nhiều khoản chi mà bị cáo không chứng minh được dẫn đến thất thoát, là cơ sở cấu thành hành vi phạm tội của bị cáo như nhận định trên. Từ đó, xét bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không tiếp tục bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, do đó Hội đồng xét xử sau khi xem xét, đối chiếu với quy định tại Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn việc áp dụng án treo thì bị cáo có đủ các điều kiện như Nghị quyết đã hướng dẫn, có đủ cơ sở để tuyên phạt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định theo một mức án tương đương với từng hành vi của bị cáo đã gây ra nhưng cho bị cáo Nguyễn Thị N được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời cũng để bị cáo có thời gian tự rèn luyện trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội và biết tôn trọng pháp luật.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc truy tố bị cáo Nguyễn Thị N với tội danh “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, cũng như mức hình phạt nêu trên là có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ mà các Luật sư đã bào chữa cho bị cáo, song không chấp nhận xét xử bị cáo mức án bằng với thời hạn tạm giam.

[4] Đối với các ông Đỗ Thế H và Phạm Nguyên K, quá trình điều tra xác định các cá nhân này không tham gia, không biết hành vi phạm tội của Nguyễn Thị N, nên không có cơ sở xử lý hình sự. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp, nên không xem xét và đề cập đến.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Hội đồng xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo cung cấp tài liệu chứng cứ phù hợp với các quy định của pháp luật; bị cáo, luật sư và các bị hại không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Các vấn đề khác:

* *Vật chứng thu giữ*: Các tài liệu thu giữ kèm theo hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

* *Về trách nhiệm dân sự trong vụ án*: Ngày 27/4/2021, Nguyễn Thị N đã tự nguyện khắc phục hậu quả hoàn trả cho ông Ngũ Ngọc D số tiền 143.000.000 đồng, đến ngày 06/5/2021, ông Phạm Nguyên K dưới sự tác động của Nguyễn Thị N đã tiếp tục tự nguyện hoàn trả số tiền 727.199.167 đồng chuyển vào tài khoản cho ông Ngũ Ngọc D, tổng cộng đã chuyển cho ông Ngũ Ngọc D số tiền là 870.199.167 đồng. Như vậy, Nguyễn Thị N đã thực hiện khắc phục hậu quả, hoàn trả lại cho ông Ngũ Ngọc D vượt số tiền phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Ngũ Ngọc D là 467.003.000 đồng. Do đó, bị cáo Nguyễn Thị N được xác định là đã hoàn thành trách nhiệm bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét và đề cập đến.

Tuy nhiên, xét ông Phạm Nguyên K là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thay mặt bị cáo Nguyễn Thị N chuyển số tiền vượt số tiền phải khắc phục cho ông Ngũ Ngọc D mà Nguyễn Thị N còn đang tranh chấp với ông Ngũ Ngọc D về số tiền đã chi được ông Ngũ Ngọc D chấp nhận, nên ông Phạm Nguyên K được quyền khởi kiện đối với ông Ngũ Ngọc D bằng một vụ án dân sự khác theo các quy định của pháp luật để yêu cầu ông Ngũ Ngọc D giải quyết tranh chấp các khoản tiền trên.

* *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

* *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N**: 03 (ba) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/01/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân phường V, quận B, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách bị cáo Nguyễn Thị N cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và áp dụng Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí toà án, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3/ Ông Phạm Nguyên K có quyền khởi kiện ông Ngũ Ngọc D để giải quyết tranh chấp bằng vụ án dân sự khác về khoản tiền đã chuyển vượt cho ông Ngũ Ngọc D theo các quy định của pháp luật.

4/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Bị cáo có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 01 năm 2024) để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị hại vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TPHCM; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- Cục THADS; (1)
- Trại giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (1)
- Bị hại; (1)
- Người liên quan; (5)
- THAHS; (1)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hồng Sơn

